

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ H
TỈNH BẠC LIÊU**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 36/2023/DS-ST
Ngày 17/5/2023
(V/v Tranh chấp nợ hui)

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ H - TỈNH BẠC LIÊU

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Thạch Thị Ngọc Bích

Các hội thẩm nhân dân: Bà Huỳnh Hồng Sa và ông Nguyễn Ngọc Anh Hào

Thư ký phiên tòa: Trương Quốc Đại – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ H, tỉnh Bạc Liêu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ H tham gia phiên tòa: Ông Châu Hoa Đăng, Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 5 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ H xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 300/2022/TLST-DS ngày 21 tháng 10 năm 2022 về việc “Tranh chấp nợ hui”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2023/QĐXXST-DS ngày 04 tháng 4 năm 2023 giữa các đương sự:

1/. Nguyên đơn: Bà Tăng Thị G, sinh năm 1967

Địa chỉ: ấp Thạnh A, xã Long Đ, huyện Đ H, tỉnh Bạc Liêu.

2/. Bị đơn: Bà Châu Thị L, sinh năm 1952

Địa chỉ: ấp Thạnh A, xã Long Đ, huyện Đ H, tỉnh Bạc Liêu

(Bà G có mặt, bà L vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 21/10/2022 và trong quá trình tố tụng bà Tăng Thị G trình bày: Bà Châu Thị L có tham hui do bà làm chủ hui, cụ thể:

- Hui khai ngày 30/02/2017 âm lịch, mỗi tháng khai 01 lần, hui có 60 chung, bà L tham gia 01 chung, tham gia được một thời gian thì bà L hốt. Tính đến hui mần

thì bà Lan còn nợ hội chết là 18 kỳ là 18.000.000 đồng. Hiện nay đây hội này đã mãn.

- Hội 1.000.000 đồng khai ngày 18/9/2018 âm lịch, mỗi tháng khai 01 lần, hội có 63 chung, bà L tham gia 02 chung, sau khi vô hội một thời gian đến ngày 15/5/2020 âm lịch là 22 chung bà L hốt 01 chung, bà đã giao tiền cho bà L đầy đủ. Còn 01 chung sống bà L đóng được 22 lần với số tiền là 14.010.000 đồng. 01 chung chết bà L tính hội mãn thì bà L còn nợ 39 kỳ hội chết, nhưng tính đến tháng 3/2023 thì bà L còn nợ 33 chung là 33.000.000 đồng.. Như vậy sau khi đối trừ hội sống và hội chết: $33.000.000 \text{ đồng} - 14.010.000 \text{ đồng} = 18.990.000 \text{ đồng}$. Hội này đến tháng 9/2023 âm lịch thì mãn.

- Hội 1.000.000 đồng, khai ngày 25/02/2018 âm lịch, mỗi tháng khai 01 lần, hội có 61 chung, bà L tham gia 02 chung, tham gia đến ngày 30/5/2020 âm lịch bà Lan hốt 01 chung, còn lại 01 chung sống bà L đóng được 29 lần với số tiền 19.450.000 đồng. Tính đến hội mãn bà L còn nợ tiền hội chết là 30 chung là 30.000.000 đồng. Sau khi đối trừ hội sống và hội chết: $30.000.000 \text{ đồng} - 19.450.000 \text{ đồng} = 10.550.000 \text{ đồng}$. Hiện nay đây hội này đã mãn.

- Hội 1.000.000 đồng khai ngày 15/11/2019 âm lịch, mỗi tháng khai 01 lần, đây hội 53 chung, bà L tham gia 01 chung đóng được 08 lần được số tiền 4.850.000 đồng thì bà L xin hốt nhưng bà không đồng ý do bà L đóng không đầy đủ và còn nợ tiền hội chết của bà.

Sau đó bà có gặp bà L trao đổi nhưng bà không tiếp tục đóng hội sống và hội chết cho bà nữa. Bà L kêu trừ ngang hội chết và hội sống. Như vậy tổng số tiền hội sau khi đối trừ hội sống và hội chết xong thì bà L vẫn còn nợ bà cụ thể: $18.000.000 \text{ đồng} + 18.990.000 \text{ đồng} + 10.550.000 \text{ đồng} - 4.850.000 \text{ đồng} = 42.690.000 \text{ đồng}$.

Nay bà khởi kiện yêu cầu bà L phải giao trả tiền hội là 42.690.000 đồng. Tại đơn khởi kiện của bà yêu cầu bà L phải trả số tiền hội là 53.700.000 đồng nay bà yêu cầu rút lại số tiền 10.010.000 đồng.

Tại biên bản ghi lời khai của bà Châu Thị L ngày 23/11/2022: Bà thống nhất có tham gia hội do bà Tăng Thị G là chủ hội, nhưng đây hội do bà G trình bày là đúng, cụ thể:

- Hui 1.000.000 đồng có 60 chung, bà tham gia 01 chung và đã hốt xong, sau đó có đóng hui chết cho bà G, tính đến mãn hui bà chỉ còn nợ bà G là 11 chung với số tiền 11.000.000 đồng. Khi hốt hui bà G có giao giấy tờ nhưng thời gian lâu bà đã làm thất lạc.

Hui 1.000.000 đồng, hui có 63 chung, bà tham gia 02 chung, đóng đến kỳ 30 thì bà hốt 01 chung, còn 01 chung sống cũng đóng được 30 chung. Như vậy tính đến hui mãn thì bà còn nợ 31 chung hui chết là 31.000.000 đồng, hui sống đóng được 30 chung là 30.000.000 đồng, nên đây hui này bà chỉ còn nợ bà G 1.000.000 đồng.

Hui 1.000.000 đồng, hui có 61 chung, bà cũng tham gia 02 chung, bà đóng được 30 kỳ thì hốt 01 chung, còn 01 chung sống cũng đóng được 30 kỳ nên đây hui này bà không nợ tiền hui của bà G.

Hui 1.000.000 đồng, hui có 53 chung, bà tham gia 01 chung không nhớ đóng được bao nhiêu lần nhưng bà G xác định bà đóng được 8 chung thì bà cũng đồng ý. Như vậy hui này bà đóng được 8 chung là 8.000.000 đồng. Nên bà xác định tiền hui của bà G là 11.000.000 đồng + 1.000.000 đồng – 8.000.000 đồng = 4.000.000 đồng, bà chỉ còn nợ tiền hui của bà G tiền hui là 4.000.000 đồng. Bà gặp khó khăn nhưng bà G không đồng ý cho bà hốt hui nên bà có nói là trừ ngang hui sống và hui chết cho bà luôn. Từ khi tham gia hui đến nay đã lâu mà bà G không có qua nói với bà còn nợ tiền hui gì cả. Nay lại có đơn khởi kiện yêu cầu bà trả tiền hui là 53.700.000 đồng thì bà không thống nhất và đồng ý giao trả số tiền trên cho bà G.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ H tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, của nguyên đơn là đúng theo quy định của pháp luật. Bị đơn chấp hành chưa nghiêm theo giấy triệu tập của Tòa án.

Về nội dung vụ án: Xét thấy giao dịch hui giữa bà G và bà L là hoàn toàn xảy ra trên thực tế. Bà G khởi kiện yêu cầu bà L giao trả số tiền hui là 53.700.000 đồng nhưng bà G rút lại một phần khởi kiện với số tiền 11.010.000 đồng, chỉ yêu cầu trả

số tiền 42.690.000 đồng đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận. Quá trình làm việc bà L cũng thừa nhận có giao dịch hui với bà G nên ghi nhận đây là sự thật. Đối với các dây hui bà L xác định đã đóng hui chết cho bà G nhưng bà không có gì chứng minh nên có cơ sở chấp nhận yêu cầu của bà G. Buộc bà L có nghĩa vụ giao trả cho bà G số tiền hui là 42. 696.000 đồng.

Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch bà L phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và trên cơ sở phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ H, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Tăng Thị G khởi kiện tranh chấp nợ hui, bị đơn có địa chỉ cư trú tại huyện Đ H. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ H.

Bà L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để dự phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 1 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các tài liệu được thu thập có lưu trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định: Trong quá trình giải quyết vụ án, bà G và bà L thống nhất với nhau về số dây hui, loại hui, số chung hui tham gia. Đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh đối với các đương sự theo quy định tại khoản 1 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự ghi nhận đây là sự thật.

Xét yêu cầu khởi kiện của bà G, bà G có cung cấp danh sách hui viên và sổ sách. Theo bà L xác định thời gian ngưng tham gia hui cụ thể: Hui 1.000.000 đồng, có 60 chung, bà L xác định còn nợ hui chết là 11 chung thì qua đối chiếu với sổ sách hui thì ngưng đóng là tháng 12/2020 âm lịch. Hui 1.000.000 đồng có 61 chung, bà L tham gia 02 chung, đóng được 30 chung thì hốt 01 chung và còn 01 chung sống cũng đóng được 30 chung, qua đối chiếu thì ngưng đóng là tháng 6/2020. Hui

1.000.000 đồng, có 63 chung, bà L tham gia 02 chung, sau đó đóng được 30 chung thì hốt 01 chung, còn 01 chung sống cũng đóng được 30 chung, qua đối chiếu thì ngưng đóng là tháng 02/2021. Hội 1.000.000 đồng, có 53 chung, bà L tham gia 01 chung và đóng được 08 chung, qua đối chiếu thì ngưng đóng là 5/2020. Như vậy các dây hội bà L trình bày thì thời gian ngưng đóng hội không khớp nhau nên lời khai của bà L không có căn cứ. Trong khi bà G thì xác định bà L ngưng tham gia hội là tháng 5/2020. Hội đồng xét xử xét thấy bà L có thừa nhận dây hội 53 chung đóng được 08 chung thì ngưng là tháng 5/2020, như vậy lời trình bày của bà G là có căn cứ xác định thời gian bà L ngưng tham gia hội là tháng 5/2020. Bà L không nhớ số tiền hội thực tế mà bà đã đóng hội cho bà G nên bà tính vốn hội và cả lãi hội. Tuy nhiên theo sổ sách hội thì xác định bà L đã đóng đối với các dây hội sống là 38.310.000 đồng. Đối với hội chết của các dây hội bà L đóng là 81.000.000 đồng. Sau khi đối trừ hội sống và hội chết thì bà L còn nợ bà G số tiền hội là 81.000.000 đồng – 38.310.000 đồng = 42.690.000 đồng. Việc bà L đã trả tiền hội xong cho bà G nhưng không có tài liệu, chứng cứ chứng minh về số tiền hội đã đóng cho bà G nên có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà G. Buộc bà L trả số tiền 42.690.000 đồng cho bà G là phù hợp.

[3] Tại phiên tòa hôm nay là Giang rút một phần yêu cầu với số tiền 11.010.000 đồng, chỉ yêu cầu bà L trả số tiền hội là 42.690.000 đồng nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Bà L có nghĩa vụ nộp số tiền: 42.690.000 đồng x 5 % = 2.134.500 đồng. Hoàn lại cho bà G tiền tạm ứng án phí 1.342.500 đồng theo biên lai thu số lai thu số 0009551 ngày 21/10/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ H.

Quan điểm đề xuất của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa là phù hợp, được Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 471 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về hội, họ, biểu phùng;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1/. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Tăng Thị G đối với bà Châu Thị L về tranh chấp nợ hội.

Buộc bà Châu Thị L có nghĩa vụ trả cho bà Tăng Thị G số tiền hội là 42.690.000 đồng

2/. Đình chỉ xét xử yêu cầu của đối với bà Tăng Thị G yêu cầu bà Châu Thị L đối với số tiền 11.010.000 đồng.

3/. Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Buộc bà Châu Thị L phải nộp 2.134.500 đồng. Hoàn lại cho bà Tăng Thị G tiền tạm ứng án phí 1.342.000 đồng theo biên lai thu số 0009551 ngày 21/10/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ H.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án, theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tại thời điểm thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai báo cho đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền

kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND huyện Đ H
- Chi cục THADS huyện Đ H
- Các đương sự;
- Lưu HS vụ án;

Thạch Thị Ngọc Bích

